

## DIỄN NGÔN THƠ THANH TÂM TUYỀN VÀ QUYỀN LỰC TRÌ HOÃN THỜI GIAN

POETRY DISCOURSE OF THANH TAM TUYEN AND POWER TO PLAY FOR TIME

*Bùi Bích Hạnh*

*Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng*

Email: thachthao111@gmail.com

### TÓM TẮT

Trong hệ quy chiếu với “chủ thể diễn ngôn”, thơ Thanh Tâm Tuyền thể hiện quyền lực xác lập mã thời tính hiện sinh. Cái tôi trình hiện tha nhân bằng hệ hình thông điệp “trì hoãn” thời gian. Cái tôi nếm trải những trạng thái hiện tồn. Cảm thức hiện sinh được thiết lập từ diễn ngôn thơ Thanh Tâm Tuyền với khuôn mặt đầy quyền năng của hữu thể. Bằng quyền uy tối thượng của tự do, hữu thể phân mảnh trong những chấn thương. Nhà thơ bị mê hoặc trong “không gian trò chơi” để đối thoại với sự hủy diệt. Thanh Tâm Tuyền thể hiện quan niệm của chủ nghĩa hiện sinh về cái chết. Đó là lễ Phục sinh của loài người. Bản ngã khát sống. Đây là cách ứng xử với cái chết như năng lực “trì hoãn” thời gian của *loài bò sát* bị kịch giữa cõi tạm bằng thông điệp học về hữu thể và thời gian.

**Từ khóa:** diễn ngôn thơ; tâm thức hiện sinh; thơ Thanh Tâm Tuyền; thông điệp học; thời gian nghệ thuật.

### ABSTRACT

In the reference frame with the “subject of discourse”, the Thanh Tam Tuyen’s poems express power to establish existential time codes. The ego presents before the others with hermeneutics paradigm play for time. The ego tastes existential status. Existential sense is established from Thanh Tam Tuyen’s poetry discourse with powerful face of Beings. By the supreme authority of liberty, Beings are smashed to fragments in traumas. The poet is enthralled in “game space” to have a dialogue with the fate. Thanh Tam Tuyen expresses the concept of existentialism about death. That is the Resurrection of humanity. The ego is avid for life. This is the behavior toward death like an ability to play for time of the tragic *reptiles* in impermanent by the hermeneutics of Beings and time.

**Key words:** poetry discourse; existential consciousness; Thanh Tam Tuyen’s poems; hermeneutics; artistic time.

### 1. Chết là định mệnh bầu vú hữu thể

Khởi nguồn từ cảm thức bản mệnh của hiện sinh (Sartre), chết là định mệnh chờ đợi con người, Thanh Tâm Tuyền như thể đã ướm vào quan niệm nghệ thuật dưới lăng kính cái Ác của Georges Bataille: “Sự thuần khiết của tình yêu được tìm thấy lại trong sự thật sâu kín của nó,... trong sự thật của cái chết” [1, tr.38]. Và dưới nhãn quan dị biệt của Georges Bataille về cõi văn chương, thơ Thanh Tâm Tuyền tự thân xâm lấn bức màn hiện sinh huyền bí của hiện tượng lạ hóa thời tính văn học vùng tạm chiếm miền Nam thập niên 50, 60 thế kỉ XX. Đó là thế giới buông xả của cái Ác, như thể hình hài mặc khải của văn học. Nếu quan niệm “cái Ác, trong chừng mực nó kêu gọi sự hấp dẫn đối với cái chết” [1, tr.47] thì âm bản cái tôi quý phục trước thời khắc *phục sinh* bằng tiếng gọi *tôi*

chật ú *cổ họng* trong địa hạt Thanh Tâm Tuyền là lời quy gọi tự thú sát lạnh nhất của bản mệnh hiện sinh: *Tôi thèm sống như thèm chết (Phục sinh)*.

Thấm cảm cơn địa chấn lộ hình những bức rối thời đại của thế hệ hai mươi vùng tạm chiếm miền Nam thời đoạn này, cũng như những khuôn mặt lập dị trong căn phần triển lãm những bức truyền thần của thế hệ, Thanh Tâm Tuyền, với cảm nghiệm nguyên ủy độc tôn vai *hoàng đế* thi ca, tự tạo một khuôn hình nhìn nghiêng. *Tôi* khước từ/ trốn chạy đường biên mờ nhòa giữa hữu - tại - thể và hữu - vị - tử để xâm lấn vào ý thức mờ hóa giữa các phạm trù hiện sinh: *Giữa sống và mình; giữa chết và mình không ngăn cách đừng tìm kiếm (Từ chối)*. Với thi sĩ kiêu hãnh xưng tụng *mỗi người đã chính một tự do* thì cái tôi tự thân hoàn toàn mê đắm trên đường dò tìm *thử về sâu lòng địa ngục*. Để thấu cảm ẩn ức kinh hoàng, là “làm

cho người trở về với mình, đừng tìm mình nơi chốn xa lạ” [3, tr.358]. Hữu thể (Seiendes/ Beings) đầy thân vào chốn lạc thú của quan niệm hữu - vị - tử. Để người thơ hoàn tất khuôn dáng yêu đương: *Em sẽ nhìn người mình yêu là mặt cô đơn sau lúc chết, bóng trắng trên phong cảnh, tinh cầu bay thất lạc (Nguyên). Rừng rung với đường biên sinh - tử, người ta bàng hoàng khi chủ thể trình hiện như lời khẩn gọi được tạc tượng cho ý niệm chết: Rồi anh bước trên những chiều dốc lạnh/ Con đường đuổi dài cánh tay người chết đuối (Bài hát buồn).* Hữu thể thoát thân khỏi cứu cánh của *hư vô*. Lật diện loài *rễ cây độc*. Tháo chạy khỏi hình thù ngôn ngữ *bơ vơ*. Cái tôi phiêu diêu cõi tạm động vào hệ lụy cảm thức hiện sinh trong mặc cảm: *Cho đi hoang làm con lóc bi thảm/ Cuốn ngay chính mình chết theo không gian (Đêm).*

Dưới lí thuyết thông diễn học (hermeneutics) của Heidegger, chủ thể (subject) không thể thoát khỏi những phạm trù hữu tính (ontological categories): “sợ”, “chết”, “âu lo”. Mặc niệm về định mệnh của cái chết, đây mới đúng là tâm thế của hiện thể (Dasein/ Being - there) trong địa đàng đa ngã của cái tôi hiện sinh, theo cách Thanh Tâm Tuyền. Dị biệt trong lập ngôn buồn nôn với thân xác của tín đồ hiện sinh ám mùi Sartre và ngậy mùi Heidegger. Không chấp nhận lẫn trên những triền cát phù du của tự do, âm sắc trong cõi thơ Thanh Tâm Tuyền rung lên hàm ngụ *anh hiểu thấu mấy nghìn năm cái ngông cuồng rồ dại của anh, chàng Orphée đòi bỏ trần gian qua bao nhiêu miền địa ngục (Đêm)*. Thấm thía thụ nghiệm nguyên ủy trước *vô vàn vi thể di động trong không gian*, chủ thể trữ tình - hữu thể trong sáng tác Thanh Tâm Tuyền xé gọi đến một nhòai cái chính là tôi và cái không còn là tôi. Khối phi lí này âu chỉ là bệ phóng để người hiện sinh thâm nạp cái tôi toàn phần hiện sinh. Cảm thức bất an, đổ vỡ chỉ là cái có giả tạm nâng đỡ cái tôi ham muốn cất lời kiêu hãnh tôn vinh, mộ đạo tự do; tự do cuồng nộ. Người hiện sinh cực đoan tự đẩy mình ra ngoài, ra xa thế giới bởi khái niệm tự do như một sự “lựa chọn vô thường”/ “bị lên án phải tự do”. Truy tìm tâm thức hiện sinh nguyên ủy, đây lại là nẻo đường ngắn nhất

để cái tôi tự thân “quăng ném” mình vào địa đàng tự do. Tri nhận *mỗi người đã chính một tự do*, người thơ chạm vào định mệnh cái chết. Cũng bởi tạo lập đường ray xô ngã cái sống nhòn nhọt như ảo ảnh, hữu thể hiện tồn với diễn ngôn sắc lạnh về cái chết hữu lí. Được chết cùng cõi tình bùa mê của ngôn ngữ thân thể trong *Sầu khúc: Cái chết vượt ve môi em bằng những móng tay buốt sắc/ Bầu trời sắp tan vào nước mắt/ Bởi anh mang nhốt lời yêu đương trong đáy mùa đông*. Cũng khởi từ ngục tín định mệnh, bản thể người tự hủy diệt thân xác. Như cách thể đón đợi khoảnh khắc an nhiên đến lạnh người của hữu thể hiện sinh chạm vào mộ phần, nơi hồn thơ khát ca tụng diễn ngôn xác thịt được đắp đầy ham muốn thét gào: *Em biết không? Em biết không?/ Anh đốt dần xác thịt như cành mọn/ Giữa chiều mùa đông ở đây trong cốt tủy/ Tuyệt vọng trần trường/ Anh mong em ngủ yên thân chết kiên nhẫn chờ trọn kiếp*.

Cởi trói *tù đầy*, tự phóng ra khỏi căn phần dành cho *súc vật* toàn những lời kêu gào bị *cấu xé* bởi *rào gai sắc chết người*; về với thế giới *tôi không còn cô độc*, cái tôi tự tháo gỡ viễn ảnh *tù đầy* của cõi sống lờ mờ để đồng lõa với cái Ác, như một mẫu hình “siêu đạo đức”: *tôi biết tôi đang chết, tôi đang yêu người đàn bà phụ bạc. Nàng cấu xé thân thể tôi, nàng dày vò linh hồn tôi (Hơi thở)*. Cởi gông xiềng của dối trá, xâm thực vào bản mệnh thơ *tôi không còn cô độc*, chết là nẻo đường để cái tôi không ngoài đầu nhìn lại *sân khấu* hài bi trong *canh bạc về khuya* chằng chịt đường vân run rẩy tái xanh của một kẻ bạc phận trắng tay: *Khi tình dậy/ Chẳng một ai ôm mình (Tên người yêu dấu)*.

## 2. Cái tôi Dasein & diễn ngôn dự phóng

Đó cũng là cách chặt góc cho khuôn mặt nhìn nghiêng - ám ảnh cái chết. Một nửa khuôn dáng còn lại của mặt người chạm vào tâm thức kiêu hãnh nổi loạn hiện sinh - sống trong độ dư của cái chết. “Cuộc đời được trì hoãn” cũng chính là quãng thời gian hiện sinh. Điều làm nên bản sắc hình hài cái tôi trong tôi ở thế giới thơ của người tự do Thanh Tâm Tuyền là đòn đập “âm thanh cuồng nộ” réo gọi tên mình: *tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ/*

*thanh tâm tuyên; tôi hét tên tôi cho người giận/ thanh tâm tuyên (Phục sinh).* “Ồ Thanh Tâm Tuyên, cái tên, thậm chí chỉ còn là cái xã hội bám đầy rong rêu của các nguyên tắc, định chế luôn tra xét, đe dọa cái tôi bản năng, tự do, sáng tạo” [4, tr.155]. Tự xưng danh cũng là một hình thức hồ nghi danh xưng, tẩy trần sự hiện tồn của sinh mệnh sáng tạo: *Tôi đã chết nghẹn ngào/ ôm tình yêu tự do chật ngực/ tôi chết và chối từ/ đừng ai gọi tôi là thi sĩ (Tôi không còn cô độc).* Như hệ quy chiếu lạnh lùng của hiện sinh Marcel: “Tôi là thân xác tôi” [5, tr.273]. Cái tôi tự thân truy tìm bản thể, đối mặt với bản thể và cũng xóa nhòa bản thể. Song đích đến của cái vô diễn ngôn xung danh kia có thể là một hành vi “quăng ném” hữu thể vào giữa tha nhân. Vừa không muốn tha nhân soi nhìn mình, vừa khoác cho mình cái mặt nạ để chiếm lĩnh tha nhân, tác động lên tha nhân. Cả tha nhân - dị bản của hữu thể tự thân. Thế giới ngôn ngữ thơ Thanh Tâm Tuyên ở at tiếng nói phá vỡ âm giai cầm lặng của cái tôi tự thân; phá tung cái vỏ bọc nép mình kinh hoàng, hỗn loạn của ý thức vong thân. Diễn ngôn Dasein song trùng diễn ngôn dự phóng (project discourse). Mơ về *thần thoại*, cái tôi Dasein “khai lộ” dư ảnh huyền thoại của cái chết/ của độ dư cái chết: *thôi để giấc mơ lên cỏ hoa/ hiện hình nổi chết (Tình vật).* Đây có thể xem là “nền ảnh” ý thức tự do cuồng nộ đến điên loạn của *tôi thêm khát. Tôi buồn chết như buồn ngủ.* Bản năng/ làm dáng bản năng. Tất cả là sự trì nứu cảm thức được sống: *Đừng bắt tôi từ biệt/ Vì cổ tôi còn chát đầy tiếng nói/ Tôi đã bao giờ muốn chết (Đừng bắt tôi từ biệt).* Cái mặt nạ che giấu cái chết như một sự đón đợi định mệnh dường như trở nên phi lí khi *tôi phủ nhận/ chạy trốn/ ghê tởm cái chết.* Cái tưởng phi lí lại chính là dị bản của mặt nạ định mệnh trong nhãn quan dị biệt Thanh Tâm Tuyên. Là cơn hỗn loạn tinh thần để duy trì cái từ trường kết nối hai bờ hữu - tại - thể và hữu - vị - tử của con người hiện sinh. Đó là những mắt xích không hề xộc xệch của tư duy biện chứng/ cưỡng lại bất thành tư duy biện chứng của tam đoạn luận về quy luật cái chết. Nếu đã dẫn thân vào vai hiện sinh. Ân ức/ thuộc tính người là âu lo. Là mặc cảm bị ruồng

rẫy. Là khước từ án lệnh của cái chết/ “vẫy gọi” cõi chết. Diễn ngôn song trùng của Daisen cộng sinh với diễn ngôn định vị hữu thể giữa cái bất thời gian của triết thuyết hiện sinh đã lan thắm vào tinh thần tự do - tự do trong cả cách thể chết của người thơ Thanh Tâm Tuyên. “Sống là trì - hoãn, trì - hoãn ngày tan - biến thành tự - ngã bên kia năm mờ” [5, tr.254]. “Cuộc đời được trì hoãn” trong triết thuyết của Sartre hàm ngụ cảm thức bị lưu đầy trong sinh mệnh Heidegger, thực sự đã xâu dính trong hệ hình quan niệm nghệ thuật Thanh Tâm Tuyên. Thời gian nghệ thuật chỉ là tập rỗng nếu cuộc đời chỉ lơ lửng giữa tầng không tẻ nhạt. “Người sinh ra để mà chết” thực chất là sự trì nứu thời gian đầy thách thức dẫn thân của những sinh mệnh thắm mĩ khát thèm “*điễn - hành trong thể - giới sống*”: *Còn gì chẳng?/ Tôi bùng mặt khóc bên thềm cửa/ Trời đất rung rung/ Em không để cầm tay/ Khi người thi sĩ ấy chết tro bụi/ Không một lời trời trăng từ biệt/ Mắt khép không đợi vuốt/ Nửa đêm (Về Quách Thoại).*

Trong thế giới nghệ thuật Thanh Tâm Tuyên, thời khắc chờ đợi, vẫy gọi “cõi chết” cũng là lúc con người thơ chinh phục tử thần. Chinh phục để thoát khỏi ám thị những hình hài chết trần truồng tội lỗi. *Tôi gào tên tôi thảm thiết* đâu chỉ là *tôi trong tôi nổi loạn* mà đó còn là thứ nghịch âm chiết ra từ *cổ họng* của một chủ thể khát tương giao; khát dự phóng; khát được chứng nhận; khát được là dị bản tha nhân. *Tôi thêm sống như thêm chết/ tôi buồn chết như buồn ngủ...* là gì nếu không là lời “vẫy gọi” của tôi đòi xác thực vị thế của tôi trong khoảnh khắc giằng co giữa hư - thực; sống - chết; vô - hữu. Thời gian trì hoãn tạo nên khát vọng sống cuồng quýt, sống cho hết cảm thức được sống có thể xem là sự đối mặt với bi kịch/ hứng chịu bi kịch. Kể cả cái chết của thời gian như lẽ tất yếu của sự hoàn tất thời tính cũng trở thành *lòng tin phủ tro: tôi tự hỏi sự tình cờ nào đưa chúng ta gần nhau/ khi chúng ta cùng nghẹn ngào/ quá khứ chết đi không một lời than tiếc/ hôm nay thiếp dưới lần chấn gai/ và ngày mai ngày mai bơ vơ như đứa trẻ trong cơn oanh tạc/ tôi tự hỏi sự tình cờ nào đưa chúng ta gần nhau (Tình cờ).*

“Vẫy gọi” nhưng không tìm thấy. “Vẫy gọi” mà chấp chới hư vô để chọn một màu hoa dã thú một hơi thở tự do (*Mưa ngùi*).

### 3. Diễn ngôn phục sinh - ám thị của kẻ ăn mày

Để tôi được phục sinh. Diễn ngôn của tâm thức cuồng nộ, xé toạc cỗ họng của người hoàn toàn tự do. Trong thế giới âm sắc, hình dáng gợi tình, không chịu chấp dính của ngôn từ nghệ thuật thơ Thanh Tâm Tuyền, dự phóng/ “tổ chức hữu thể hiện hữu của không gian trò chơi” [3, tr.223] là hệ quả nong đầy nhất của yếu tính tự do, của những phạm trù hiện sinh và cả phi hiện sinh; của định luật “trì hoãn” thời gian: *Người ta tàn nhẫn đóng cửa không thêm bổ thí, tiếng kêu than bóng hạnh phúc chỉ là kẻ ăn mày khôn nạn (Hơi thở)*. Đối mặt/ ám thị của kẻ ăn mày. Phủ phục trước tôn giáo của tín đồ cô đơn/ con chiên ngoan đạo của tinh thần tự do cuồng nộ. *Nghĩa địa/ thế giới của tự do. Mâu thuẫn/ phi lí. Song đó là gạch nối diệu vợi giữa kẻ đi xin/ người ban phát. Sinh/ tử không còn là hai phạm trù đơn thuần của quy luật đời người. Trong thế giới ám thị Thanh Tâm Tuyền, điều đó trở thành cách lựa chọn dấn dư vị hiện sinh. Kẻ ăn mày sững sờ với thông điệp xóa tẩy những cái chết trần trụi. Khoái lạc/ vô thức của cõi chết đã xâm lấn trong cỗ họng của một người lang thang đi tìm/ đi xin được thụ hưởng cuộc sống như dáng hình của con người trong cơn hấp hối xin đời cho được chết thanh thản. Tự nhận là loài sát nhân muôn đời, hữu thể đồng giọng trong tiếng ú ớ nói mê tự do/ bị kết án tự do. Không còn chạy trốn cái tên, không còn thấy cái tên âm lên sự thù hận, người thơ gào tên tôi thảm thiết. Đó phải là tiếng hú của người hành khát thấy hạnh phúc trước một bàn tay cho cái ăn/ hoàn toàn không phải là bổ thí cái ăn. Cái Ác/ cái Chết thực ra đã được gọi tên/ gọi tên trong vô thức ở Thanh Tâm Tuyền. Như thể cõi chết là chỗ đến/ chỗ sợ đến của con người đích thực tự do: *Đường mòn đưa đến huyết/ Đứa trẻ con thổi harmonica/ Trong hoàng hôn tóc rối/ Tiếng kèn khóc òa (Sầu khúc)*.*

Dự lần tương lai - níu lại quá khứ - chọn lựa của hiện tại là hệ quả đồng hiện thời gian trì hoãn

trong thơ Thanh Tâm Tuyền. Giảng co “hữu” giữa tha nhân, đương đầu với sự nhòm ngó của tha nhân, cái tôi truy tìm/ ngừa tay đêm tuyệt vọng. Như kẻ xin ăn bị khước từ/ buộc phải bị khước từ. Như kẻ thất thế trước cõi thực, giang tay xô đời về phía không ái tình - cõi chết: *Ở cuối đêm/ Em rũ tóc nói những lời mê sảng/ Những ám hiệu/ Của mặt biển đen không/ Tình yêu tuyệt vọng/ Anh xé tóc em cùng những cành lá chết/ Mùa thu/ Ghi thương tích nơi cườm tay/ Khóa chặt/ Anh xô ngã em từ chóp đỉnh hạnh phúc/ Khuôn mặt vỡ tan (Đêm)*. Sự đồng hiện thời gian, theo thông điệp Heidegger, là những “trạng thái xuất thần” của kiếp người hiện sinh. Đó là thời gian sống, cõi tạm, đang tan chảy trước sự chết. Với lời tự thú của hiện sinh Sartre, hồn phách Thanh Tâm Tuyền bị thôi miên trong thân phận của kẻ ăn mày ám ảnh âu lo, tiền kiếp/ tiền liệu của tâm thức vong thân: *Thuở nhớ nhưng chất ngát/ Tưởng khoảng đường liên hành tinh/ Giữa phố đông đôn đọi/ Những ước mơ hiển dĩ cùng mọi người/ Trong vòng tay ôm xiết/ Ý nghĩa những ước mơ/ Những ảnh hình nghĩ chết (Bài thơ của tháng giêng)*.

“Sự sinh sản và cái chết quy định sự hồi sinh vĩnh hằng của cuộc sống, cái khoảnh khắc mới mẻ mãi mãi. Chính vì vậy chúng ta chỉ thấy mặt bi thảm trong sự diệu kì của cuộc sống, thế nhưng bị kịch đối với chúng ta đó lại là dấu hiệu của sự diệu kì” [1, tr.39]. Diễn ngôn quy gọi mặc cảm bị ruồng bỏ/ kiến tạo thời gian trì hoãn trong thơ Thanh Tâm Tuyền là sự xâu chuỗi của tâm thức hiện sinh để khai mở một tư tưởng thâm mi về cái chết như một phạm trù triết học/ mỹ học, phạm trù của lí thuyết trò chơi (game theory). Thật ngẫu nhiên, tâm thức hiện sinh về cái chết trong khí quyển thơ Thanh Tâm Tuyền lại song trùng với tâm thức hiện sinh về cái Ác. Đúng như thần chú của Georges Bataille về cái Ác, một “giá trị tối thượng” của văn học: “Khi sự nghiệt ngã phủ bóng lên con người, nơi con người nhìn cái chết “thẳng mặt”, cái sống là một ân huệ thuần khiết. Không gì có thể hủy diệt nó. Cái chết là điều kiện đổi mới của nó” [1, tr.46]. “Trì hoãn” thời gian là “trò chơi” ngông ngạo của kẻ ăn mày

khát *phục sinh*. Như là “thế giới của sự chuộc tội”: *Tôi chẳng thể trở về/ Trên con đường định mệnh/ Mặt trời đổ máu/ Tròng mắt đen chan hòa/ Hấp hối trong buồng kín* (Ngoài).

#### 4. Lời kết

Thanh Tâm Tuyền bị mê hoặc trong trò chơi đồng hiện thời tính. Chênh vênh giữa hai bờ sống - chết đều nghiệt ngã, thi sĩ của quyền năng tự do tối thượng đã xé toang *cổ họng* của cái tôi tự thân để đòi quyền được định đoạt cõi sống/ cõi chết. Đó là hiện hữu của kinh hoàng - hệ quả của ruộng bỏ. Nếu nói mặc cảm bị ruộng bỏ là cái có của hành vi dẫn thân, kể cả dẫn thân trong những khoái trá suy đồi đều là thông diễn bị kịch hiện sinh của con

người. Bi kịch của “ca tụng thân xác”. *Tội lỗi nhét đầy con mắt ngây ngô* (*Tên người yêu dấu*) là lựa chọn dẫn thân trũng sâu bị kịch bị chối bỏ. Ở đó, sự xô đẩy của lớp sóng ngôn ngữ cõi âm/ ngôn ngữ lửa thể trong Thanh Tâm Tuyền có thể vẫn còn là một vùng khát/ khuất lấp/ âm u mà càng lạc bước, con người càng như sa vào bản đồ định mệnh những ẩn ức vô hình: *đời đóng khung trong những ô vuông/ và phận người một hàng tọa độ/ vẫn địa bàn đong đưa trước mặt chỉ đường/ nhưng bắt đầu đưa chân thế hệ mình đã lạc* (*Về những ngày sắp tới* - Nguyễn Phan Thịnh). Cũng như người hành khát không chờ mong cuộc đời bố thí trong “trò chơi thời tính” của Thanh Tâm Tuyền: *Trước bàn tay sơ sinh - tự do*.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Georges Bataille (2013), *Văn học và cái Ác* (Ngân Xuyên dịch và giới thiệu), NXB Thế giới, Hà Nội.
- [2] Trần Thái Đình (2008), *Triết học hiện sinh*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3] Heidegger (1973), *Hữu thể và thời gian (tập 1)* (Trần Công Tiến dịch), Quê hương xuất bản, Sài Gòn.
- [4] Đỗ Lai Thúy (2012), *Thơ như là mỹ học của cái khác*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [5] Lê Thành Trị (1969), *Hiện tượng luận về hiện sinh*, Phủ Quốc - Vụ - Khanh đặc trách - Văn - hóa xuất bản, Sài Gòn.